

<p>tương tự như trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh đọc bảng nhân 4 vừa lập được, sau đó cho học sinh tự học thuộc lòng bảng nhân này.</li> <li>- Xoá dần bảng cho học sinh học thuộc lòng.</li> <li>- Tổ chức cho học sinh thi đọc thuộc lòng bảng nhân.</li> <li>- Giáo viên nhận xét chung.</li> </ul> <p><i>Lưu ý giúp đỡ đối tượng M1, M2</i></p>	<p>và trả lời.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập các phép tính 4 nhân với 3, 4, 5, 6,... 10 theo hướng dẫn của giáo viên.</li> <li>- Cả lớp đọc đồng thanh, sau đó tự học thuộc lòng bảng nhân 4.</li> <li>- Học sinh học thuộc lòng bảng nhân 4.</li> <li>- Học sinh thi đọc.</li> <li>- Học sinh nghe.</li> </ul>
<p><b>3. HĐ thực hành: (14 phút)</b></p> <p><b>*Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập được bảng nhân 4. Nhớ được bảng nhân 4</li> <li>- Biết giải bài toán có một phép nhân (trong bảng nhân 4).</li> <li>- Biết đếm thêm 4.</li> </ul> <p><b>*Cách tiến hành: Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp</b></p>	
<p>*GV giao nhiệm vụ cho HS</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV trợ giúp HS hạn chế</li> </ul> <p>*TBHT điều hành HĐ chia sẻ</p> <p><b>Bài 1: HĐ cá nhân- Cặp đôi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</li> </ul> <p>- Mời các tổ nối tiếp báo cáo kết quả.</p> <p>- Nhận xét bài làm học sinh.</p> <p><b>Bài 2: HĐ cá nhân- Nhóm 4</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đại diện 2 em lên bảng chia sẻ kết quả.</li> </ul>	<p>-HS thực hiện theo YC của GV</p> <p>+HS chia sẻ, tương tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.</li> <li>- Kiểm tra chéo trong cặp.</li> <li>- Bài tập yêu cầu tính nhẩm.</li> <li>- Học sinh nối tiếp đọc kết quả: (Dự kiến KQ chia sẻ)</li> </ul> $4 \times 2 = 8 \qquad 4 \times 1 = 4$ $4 \times 4 = 16 \qquad 4 \times 3 = 12$ $4 \times 6 = 24 \qquad 4 \times 5 = 20$ <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.</li> <li>- Kiểm tra chéo trong nhóm.</li> <li>- 2 học sinh chia sẻ: 1 học sinh tóm tắt, 1 học sinh giải:</li> </ul> <p><i>*Dự kiến ND chia sẻ:</i></p> <p style="text-align: center;"><u>Tóm tắt:</u></p> <p style="text-align: center;">1 xe: 4 bánh xe 5 xe: ? bánh xe</p> <p style="text-align: center;"><u>Giải:</u></p> <p style="text-align: center;">5 xe ô tô có số bánh xe là: <math>4 \times 5 = 20</math> (bánh xe) Đáp số: 20 bánh xe</p>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho học sinh nhận xét bài bạn trên bảng.</li> <li>- Nhận xét bài làm từng em.</li> <li><b>Bài 3: HĐ cá nhân- Cặp đôi</b></li> <li>- Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì?</li> <li>- Số đầu tiên trong dãy số này là số nào?</li> <li>- Tiếp sau số 4 là số nào?</li> <li>- 4 cộng thêm mấy thì bằng 8?</li> <li>- Tiếp sau số 8 là số nào?</li> <li>- .....</li> <li>- Trong dãy số này, mỗi số đứng sau hơn số đứng trước nó mấy đơn vị?</li> <li>- Mời các tổ nối tiếp báo cáo kết quả.</li> <li>- Nhận xét bài làm học sinh.</li> <li>- Giáo viên cho học sinh đọc xuôi, đọc ngược dãy số vừa tìm được.</li> <li><i>Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành bài tập</i></li> <li><b>🌟 Bài tập chò: (M3, M4):</b></li> <li><b>Bài toán:</b> Mỗi con trâu có 4 chân. Hỏi 10 có bò như thế có bao nhiêu chân?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhận xét.</li> <li>- Học sinh lắng nghe.</li> <li>- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.</li> <li>- Kiểm tra chéo trong cặp.</li> <li>- Bài toán yêu cầu chúng ta đếm thêm 4 rồi viết số thích hợp vào ô trống.</li> <li>- Số đầu tiên trong dãy số này là số 4.</li> <li>- Tiếp theo 4 là số 8.</li> <li>- 4 cộng thêm 4 bằng 8.</li> <li>- Tiếp theo 8 là số 12.</li> <li>- .....</li> <li>- Mỗi số đứng sau hơn mỗi số đứng ngay trước nó 4 đơn vị.</li> <li>- Học sinh nối tiếp chia sẻ kết quả: <b>4, 8, 12, 16, 20, 24, 28, 32, 36, 40.</b></li> <li>- Học sinh đọc.</li> <li>- Học sinh tự làm bài sau đó báo cáo kết quả với giáo viên:</li> <li style="text-align: center;"><u>Giải:</u></li> <li style="text-align: center;">10 con bò như thế có số chân là:  <math>4 \times 10 = 40</math> (chân)  Đáp số: 36 chân trâu</li> </ul>
<p><b>4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút)</b>  Hôm nay chúng ta học bài gì/  - 2 học sinh nối tiếp đọc thuộc bảng nhân 4  - Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết dạy.</p>	
<p><b>5. HĐ sáng tạo: (1 phút)</b>  - Yêu cầu học sinh về học thuộc kĩ bảng nhân 4 vừa học.  - <b>Giải bài toán:</b> Mỗi con trâu có 4 chân. Hỏi 8 có trâu như thế có bao nhiêu chân trâu?  - Giáo viên nhận xét tiết học.  - Dặn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Làm lại các bài tập sai. Xem trước bài:  <b>Luyện tập.</b></p>	

**THỦ CÔNG:**

**GẤP, CẮT, TRANG TRÍ THIẾT (THIỆP) CHÚC MỪNG (Tiết 2)**

## I. MỤC TIÊU:

### **1. Kiến thức:**

- Biết cách cắt, gấp, trang trí thiệp chúc mừng.
- Cắt, gấp và trang trí được thiệp chúc mừng. Có thể gấp, cắt thiệp chúc mừng theo kích thước tùy chọn. Nội dung và hình thức trang trí có thể đơn giản.
- Với học sinh khéo tay: Cắt, gấp, trang trí được thiệp chúc mừng. Nội dung và hình thức trang trí phù hợp, đẹp.

**2. Kỹ năng:** Rèn cho học sinh đôi bàn tay khéo léo. Các nếp gấp tương đối thẳng, phẳng.

**3. Thái độ:** Học sinh hứng thú làm thiệp chúc mừng để sử dụng.

**4. Năng lực:** Góp phần hình thành các năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Phát triển bản thân; Tự tìm tòi và khám phá đồ vật; Vận dụng kiến thức vào thực tiễn; Thẩm mỹ.

## II. CHUẨN BỊ:

### **1. Đồ dùng dạy học:**

- Giáo viên:
  - + Một số mẫu thiệp chúc mừng.
  - + Quy trình cắt, gấp trang trí thiệp chúc mừng.
  - + Giấy trắng hoặc giấy màu, kéo, bút màu.
- Học sinh: Giấy trắng, hoặc màu cỡ giấy A4, bút chì màu, bút lông, tem thư.

### **2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não.
- Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC :

<b>Hoạt động dạy</b>	<b>Hoạt động học</b>
<b>1. HĐ khởi động: (5 phút)</b>	
- TBVN bắt nhịp cho lớp hát tập thể - Kiểm tra đồ dùng học tập phục vụ tiết học. - Giới thiệu bài mới - ghi bài lên bảng.	- HS hát bài: <i>Happy Birthday</i> . - Học sinh báo cáo - Học sinh quan sát
<b>2. HĐ thực hành: (15 phút)</b> <b>*Mục tiêu:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Biết cách cắt, gấp, trang trí thiệp chúc mừng.</li><li>- Cắt, gấp và trang trí được thiệp chúc mừng. Có thể gấp, cắt thiệp chúc mừng theo kích thước tùy chọn. Nội dung và hình thức trang trí có thể đơn giản.</li><li>- Với học sinh khéo tay: Cắt, gấp, trang trí được thiệp chúc mừng. Nội dung và hình thức trang trí phù hợp, đẹp.</li></ul> <b>*Cách tiến hành: Hoạt động theo nhóm</b>	
- Gọi học sinh nêu lại quy trình: + Bước 1: Cắt, gấp thiệp chúc mừng. + Bước 2: Trang trí thiệp chúc mừng. - Yêu cầu học sinh thực hiện lại các bước.	- 3 học sinh nêu lại các bước.  - 1 học sinh lên thực hiện. +Cắt, gấp và trang trí được thiệp chúc mừng. +Có thể gấp, cắt thiệp chúc

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi học sinh nhận xét.</li> <li>- Chia lớp thành 4 nhóm thực hành.</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> <i>Quan sát, theo dõi và giúp đỡ các đối tượng MI để hoàn thành sản phẩm</i></p>	<p>mừng theo kích thước tùy chọn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh thực hành làm theo nhóm 4.</li> </ul>
<p><b>3.HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trưng bày và đánh giá sản phẩm: Giáo viên gợi ý cho các nhóm biết trình bày sản phẩm của nhóm trên bìa.</li> <li>-&gt; Học sinh trưng bày sản phẩm trước lớp: Thiệp chúc mừng năm mới, thiệp mừng tân gia, sinh nhật, Giáng sinh,...</li> <li>- Cho học sinh đánh giá sản phẩm</li> <li>- Giáo viên kết luận chung. Tuyên dương nhóm và cá nhân làm tốt</li> </ul>	
<p><b>5. Hoạt động sáng tạo: (2 phút)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gấp, cắt, dán thiệp chúc mừng.</li> <li>- Trang trí sang tạo, đẹp mắt, hấp dẫn.</li> <li>- Nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập của HS.</li> <li>- Giáo viên nhận xét tiết học.</li> <li>- Dặn học sinh về nhà thực hành tiếp. Chuẩn bị giấy thủ công cho bài sau.</li> </ul>	

**Thứ năm ngày 16 tháng 1 năm 2020**

## **TOÁN:**

### **TIẾT 99: LUYỆN TẬP**

#### **I. MỤC TIÊU:**

##### **1. Kiến thức:**

- Thuộc bảng nhân 4.
- Biết tính giá trị của biểu thức số có 2 dấu phép tính nhân và cộng trong trường hợp đơn giản.
- Biết giải bài toán có 1 phép nhân (trong bảng nhân 4).

**2. Kỹ năng:** Rèn cho học sinh kỹ năng tính nhẩm, làm tính và giải bài toán có 1 phép nhân (trong bảng nhân 4).

**3. Thái độ:** Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

\*Bài tập cần làm: bài tập 1a, bài tập 2, bài tập 3.

**4. Năng lực:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

#### **II. CHUẨN BỊ:**

##### **1. Đồ dùng dạy học:**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, viết sẵn nội dung bài tập 2 lên bảng.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

##### **2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não.
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

## II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<b>1. HĐ khởi động: (5 phút)</b>	
<ul style="list-style-type: none"><li>- GV kết hợp với BHT tổ chức cho học sinh thi đua đọc thuộc bảng nhân 4.</li><li>- Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh tích cực.</li><li>- Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: <b>Luyện tập.</b></li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Học sinh tham gia thi đua.</li><li>- Lắng nghe.</li><li>- Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.</li></ul>
<b>2. HĐ thực hành: (25 phút)</b> <b>*Mục tiêu:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thuộc bảng nhân 4.</li><li>- Biết tính giá trị của biểu thức số có 2 dấu phép tính nhân và cộng trong trường hợp đơn giản.</li><li>- Biết giải bài toán có 1 phép nhân (trong bảng nhân 4).</li></ul> <b>*Cách tiến hành: Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp</b>	
+GV giao nhiệm vụ học tập cho HS +TBHT điều hành hoạt động chia sẻ  <b>Bài 1a: HĐ cá nhân-cặp đôi</b>  <ul style="list-style-type: none"><li>- Mời các tổ nối tiếp báo cáo kết quả (TBHT điều hành).</li><li>- Hãy so sánh kết quả của: <math>2 \times 3</math> và <math>3 \times 2</math></li><li>- Vậy khi ta đổi chỗ các thừa số thì tích có thay đổi không?</li><li>- Hãy giải thích tại sao <math>2 \times 4</math> &amp; <math>4 \times 2</math> có kết quả bằng nhau?</li><li>-&gt;Đánh giá, nhận xét bài làm học sinh</li></ul> <b>Bài 2: HĐ cặp đôi -&gt; Cả lớp</b>  <ul style="list-style-type: none"><li>- Khi làm bài tập này chúng ta làm phép tính nào trước?</li><li>- Yêu cầu đại diện 3 em lên bảng chia sẻ kết quả, mỗi em làm một phép tính.</li><li>- -GV đánh giá, nhận xét bài làm từng em.</li></ul> <b>Bài 3: HĐ cá nhân -&gt; cặp đôi -&gt; Cả lớp</b>	+HS thực hiện nghiêm túc YC +HS chia sẻ, tương tác cùng bạn <b>*Dự kiến ND chia sẻ:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.</li><li>- Kiểm tra chéo trong cặp.</li><li>- Học sinh nối tiếp chia sẻ kết quả. a) <math>4 \times 4 = 16</math>    <math>4 \times 9 = 36</math> (...) b) <math>2 \times 3 =</math>        <math>3 \times 2 = 6</math> (...) - <math>2 \times 3</math> và <math>3 \times 2</math> đều bằng 6. - Khi đổi chỗ các thừa số thì tích không thay đổi. - Vì khi thay đổi vị trí các thừa số thì tích không thay đổi.</li><li>- Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.</li><li>- Kiểm tra chéo trong cặp.</li><li>- Làm phép tính nhân trước.</li><li>- Học sinh chia sẻ: a) <math>4 \times 8 + 10 = 42</math> b) <math>4 \times 9 + 14 = 50</math> c) <math>4 \times 10 + 60 = 100</math> - Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài.</li><li>- Kiểm tra chéo trong cặp.</li><li>- Học sinh lên bảng chia sẻ kết</li></ul>

<p>- Yêu cầu học sinh lên bảng chia sẻ kết quả.</p> <p>- Cho học sinh nhận xét bài trên bảng. - Giáo viên nhận xét chung.</p> <p><i>Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành bài tập</i></p> <p><b>🔄 Bài tập chờ:</b> <b>Bài tập 4 (M3):</b> Yêu cầu học sinh tự làm bài rồi báo cáo kết quả với giáo viên.</p> <p><b>Bài tập 1b (M4):</b> Yêu cầu học sinh tự làm bài và báo cáo kết quả với giáo viên.</p>	<p>quả: <i>*Dự kiến ND chia sẻ:</i> <b>Giải:</b> 5 học sinh được mượn số quyền sách là: <math>4 \times 5 = 20</math> (quyển) Đáp số: 20 quyển</p> <p>- Học sinh tự làm bài sau đó báo cáo kết quả với giáo viên: <i>*Dự kiến ND chia sẻ:</i> Đáp án C. - Học sinh tự làm bài rồi báo cáo kết quả với giáo viên: <math>2 \times 3 = 6</math>      <math>2 \times 4 = 8</math>      <math>4 \times 3 = 12</math> <math>3 \times 2 = 6</math>      <math>4 \times 2 = 8</math>      <math>3 \times 4 = 12</math></p>
<p><b>4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút)</b> - Cho học sinh ôn lại bảng nhân 4. - Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết dạy.</p>	
<p><b>5. HĐ sáng tạo: (1 phút)</b> - Mỗi ngày bạn Hưng học 4 giờ. Hỏi trong 6 ngày bạn Hưng học bao nhiêu giờ? - Giáo viên nhận xét tiết học. - Dặn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Sửa lại bài làm sai. Xem trước bài: <b>Bảng nhân 5.</b></p>	

**HĐNGLL:                      PHÒNG TRÁNH TAI NẠN ĐƯỜNG SẮT**

**I- Mục tiêu:**

- HS nắm được đặc điểm của GTĐS, những quy định của GTĐS
- HS biết được những quy định khi đi đường gặp đường sắt cắt ngang đường bộ.
- Có ý thức bảo vệ đường sắt.

**II- Nội dung:**

- Đặc điểm của đường sắt.
- Quy định về ATGT nơi đường sắt cắt ngang đường bộ.

**III- Chuẩn bị:**

- 1- Thầy: tranh ảnh đường sắt cắt ngang đường bộ. Biển báo nơi có đường sắt chạy qua.
- 2- Trò: sưu tầm tranh, ảnh về đường sắt.

**IV- Hoạt động dạy và học:**

Hoạt động của thầy.	Hoạt động của trò.
<p>HĐ1: Đặc điểm của GT đường sắt. a- Mục tiêu: HS biết được đặc điểm của giao thông đường sắt và hệ thống đường bộ Việt Nam. Phân biệt các loại đường bộ</p>	<p>- Đường sắt, đường hàng không, đường</p>

Hoạt động của thầy.	Hoạt động của trò.
<p>b- Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngoài phương tiện GTĐB còn có phương tiện GT nào?</li> <li>- Đường sắt có đặc điểm gì?</li> <li>- Vì sao tàu hoả lại có đường riêng?</li> </ul> <p>*KL: Đường sắt để dành riêng cho tàu hoả, các phương tiện GT khác không được đi trên đường sắt.</p> <p>2-HĐ2: GT đường sắt Việt Nam</p> <p>a- Mục tiêu: Nhận biết được đường sắt nước ta có các tuyến đi các nơi.</p> <p>b- Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chia nhóm.</li> <li>- Giao việc:</li> </ul> <p>Đường sắt từ Hà Nội đi các tỉnh? Dùng bản đồ GT 6 tuyến đường sắt.</p> <p>*KL: Từ HN có 6 tuyến đường sắt đi các nơi.</p> <p>2-HĐ3: Qui định đi trên đường sắt.</p> <p>a- Mục tiêu: Nắm được quy định khi đi trên đường sắt.</p> <p>b- Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chia nhóm.</li> <li>- Giao việc:</li> </ul> <p>QS hai biển báo: 210, 211 nêu: Đặc điểm 2 biển báo, ND của 2 biển báo? Em thấy 2 biển báo đó có ở đoạn đường nào? Gặp biển báo này em phải làm gì?</p> <p>*KL: Khi đi trên đường sắt cắt ngang đường bộ chúng ta phải tuân theo hiệu lệnh của biển báo hiệu và của người chỉ dẫn.</p> <p>HĐ4: Thực hành.</p> <p>a- Mục tiêu: Củng cố kỹ năng đi bộ khi đi đường gặp đường sắt cắt ngang.</p> <p>b- Cách tiến hành:</p> <p>Cho HS ra sân. V- Củng cố- dẫn dò. Hệ thống kiến thức. Thực hiện tốt luật GT.</p>	<p>thuy.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu.</li> <li>- HS nêu.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu.</li> <li>- HS chỉ</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử nhóm trưởng.</li> <li>- HS thảo luận.</li> <li>- Đại diện báo cáo kết quả.</li> </ul> <p>Biển 210: Giao nhau với đường sắt có rào chắn. Biển 211: Giao nhau với đường sắt không có rào chắn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành trên tranh ảnh.</li> </ul>

### CHÍNH TẢ: (NGHE VIẾT)

### MƯA BÓNG MÂY

#### I. MỤC TIÊU:

##### **1. Kiến thức:**

---

- Nghe và viết lại chính xác bài chính tả. Biết trình bày đúng hình thức bài thơ 5 chữ và các dấu câu trong bài.

- Làm được bài tập 2a.

**2. Kỹ năng:** Giúp học sinh rèn quy tắc chính tả s/x.

**3. Thái độ:** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ Việt.

**4. Năng lực:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Ngôn ngữ; Văn học; Thẩm mỹ.

## **II. CHUẨN BỊ:**

### **1. Đồ dùng dạy học:**

- Giáo viên: Tranh vẽ minh họa bài thơ (nếu có). Bảng phụ ghi các quy tắc chính tả.

- Học sinh: Sách giáo khoa, bảng con, vở bài tập, đồ dùng học tập đầy đủ.

### **2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não.

- Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.

## **II. Các HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

<b>Hoạt động dạy</b>	<b>Hoạt động học</b>
<b>1. HĐ khởi động: (3 phút)</b>	
- TBVN bắt nhịp cho lớp hát tập thể  - Nhận xét bài làm của học sinh, khen những em tuần trước viết bài tốt. - GV kết nối bài học, ghi đầu bài lên bảng.	- Học sinh hát bài: <i>Chữ đẹp, nét càng ngoan</i> - Lắng nghe.  - Mở sách giáo khoa.
<b>2. HĐ chuẩn bị viết chính tả. (5 phút)</b> <b>*Mục tiêu:</b> - Học sinh có tâm thế tốt để viết bài. - Nắm được nội dung bài thơ để viết cho đúng chính tả <b>*Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp</b>	
- Giáo viên giới thiệu và đọc bài chính tả: <b>Mưa bóng mây</b> : Đọc chậm và rõ ràng, phát âm chuẩn. - Yêu cầu học sinh đọc lại. <b>*Giáo viên giao nhiệm vụ:</b> +YC HS thảo luận một số câu hỏi +GV trợ giúp đối tượng HS hạn chế - Hướng dẫn học sinh nắm nội dung bài viết và cách trình bày qua hệ thống câu hỏi gợi ý:  -TBHT điều hành HĐ chia sẻ: + <i>Con mưa bóng mây giống các bạn nhỏ ở điểm nào?</i> + <i>Bài thơ có mấy khổ? Mỗi khổ có mấy câu thơ? Mỗi câu thơ có mấy chữ?</i>	- Học sinh lắng nghe.  - Học sinh đọc lại. -Thực hiện YC theo nhóm + Học sinh trả lời từng câu hỏi của giáo viên. + Lưu ý nội dung bài viết, cách trình bày, những điều cần lưu ý. - Đại diện nhóm báo cáo <b>*Dự kiến ND chia sẻ:</b> + Cũng làm nũng mẹ, vừa khóc xong đã cười. + Bài thơ có 3 khổ thơ. Mỗi khổ có 4 câu thơ. Mỗi câu thơ có 5



<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các chữ đầu câu thơ viết như thế nào?</li> <li>+ Trong bài thơ những dấu câu nào được sử dụng?</li> <li>+ Giữa các khổ thơ viết như thế nào ?</li> <li>- Yêu cầu học sinh đọc các từ khó dễ lẫn và các từ khó viết.</li> <li>- Tìm trong bài các chữ có vần: uoi, uot, oang, ay</li> <li>- Yêu cầu học sinh đọc và viết các từ vừa tìm được.</li> <li>- Nhận xét bài viết bảng của học sinh.</li> <li>- Giáo viên đọc lần 2.</li> </ul> <p><i>Quan sát, nhắc nhở, khuyến khích học sinh trả lời: M1</i></p>	<p>chữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Viết hoa.</li> <li>+ Dấu phẩy, dấu chấm, dấu hai chấm, dấu ngoặc kép.</li> <li>+ Để cách một dòng.</li> <li>- Học sinh nêu: <i>làm nũng, hỏi, vỡ, chẳng, đã.</i></li> <li>- Học sinh nêu: <i>Thoáng, mây, ngay, ướt, cười.</i></li> <li>- 4 học sinh lên bảng viết, cả lớp viết vào vở nháp.</li> <li>- Lắng nghe.</li> </ul>
<p><b>3. HĐ viết bài chính tả. (15 phút)</b></p> <p><b>*Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nghe viết chính xác bài: <i>Mưa bóng mây</i></li> <li>- Viết hoa chữ đầu câu, ghi dấu câu đúng vị trí.</li> </ul> <p><b>*Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp - cá nhân</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên nhắc học sinh những vấn đề cần thiết: Viết tên bài chính tả vào giữa trang vở. Chữ đầu câu viết hoa lùi vào 1 ô, chú ý lắng nghe cô giáo phát âm, đọc nhẩm từng cụm từ để viết cho đúng, đẹp, nhanh; ngồi viết đúng tư thế, cầm viết đúng qui định.</li> <li>- Giáo viên đọc cho học sinh viết bài.</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> <i>Tư thế ngồi, cách cầm bút, tốc độ: đối tượng M1</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe</li> <li>- Học sinh viết bài vào vở</li> </ul>
<p><b>4. HĐ chấm và nhận xét bài. (3 phút)</b></p> <p><b>*Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp các em tự phát hiện ra lỗi của mình và phát hiện lỗi giúp bạn.</li> </ul> <p><b>*Cách tiến hành: HĐ cá nhân - cặp đôi</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên đọc lại bài, dừng lại phân tích các tiếng khó cho học sinh chữa.</li> <li>- Giáo viên chấm nhanh 5 - 7 bài</li> <li>- Nhận xét nhanh về bài làm của học sinh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng bút chì, đổi vở cho nhau để soát lỗi, chữa bài.</li> <li>- Lắng nghe.</li> </ul>
<p><b>5. HĐ làm bài tập: (6 phút)</b></p> <p><b>*Mục tiêu:</b> Giúp học sinh ôn quy tắc chính tả s/x.</p> <p><b>*Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài 2a: TC Trò chơi Ai nhanh hơn.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên đổi tên bài thành: Nói mỗi từ ở cột A với mỗi từ thích hợp ở cột B.</li> <li>- Giáo viên chuẩn bị sẵn nội dung bài tập 2 vào 4 tờ giấy to phát cho mỗi nhóm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chia lớp thành 4 nhóm. Thảo luận nhóm và làm. Nhóm nào</li> </ul>

làm xong trước thì mang dán lên bảng.

+Dựa kiến ND chia sẻ::

A	B
sương	xa
xương	sốt
phù	sa
đường	ròng
sốt	mù
thiếu	xa

- Nhận xét, chữa bài cho từng nhóm.
- Tổng kết cuộc thi.

- Học sinh lắng nghe.

### 6. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút)

- Cho học sinh nêu lại tên bài học; ghi nhớ về quy tắc chính tả *s/x*.
- Yêu cầu nhắc lại cách trình bày bài viết
- Viết một số tên các bạn hoặc người quen ở nơi em ở có phụ âm *s/x*
- Chọn một số vở học sinh viết chữ sạch đẹp không mắc lỗi cho cả lớp xem.
- Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết học

### 7. Hoạt động sáng tạo(2 phút)

- Viết tên những tên cây cối bắt đầu bằng *s/x* mà em biết
- Nhận xét tiết học.
- Nhắc nhở học sinh mắc lỗi chính tả về nhà viết lại các từ đã viết sai. Xem trước bài chính tả sau: *Chim sơn ca và bông cúc trắng*.

Thứ sáu ngày 17 tháng 1 năm 2020

## TOÁN:

### TIẾT 100: BẢNG NHÂN 5

#### I. MỤC TIÊU:

##### 1. Kiến thức:

- Lập bảng nhân 5.
- Nhớ được bảng nhân 5.
- Biết giải bài toán có 1 phép nhân (trong bảng nhân 5).
- Biết đếm thêm 5.

##### 2. Kỹ năng:

- Rèn cho học sinh kỹ năng tính nhẩm và giải bài toán có 1 phép nhân (trong bảng nhân 5).

**3. Thái độ:** Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

\*Bài tập cần làm: bài tập 1,2,3.

**4. Năng lực:** Góp phần hình thành và phát triển năng lực:Tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

#### II. CHUẨN BỊ:

##### 1. Đồ dùng dạy học: